TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2025/DS-ST
Ngày: 30 – 9 – 2025
V/v tranh chấp về dân sự
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Vinh.

2. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Nhân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12, 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp (trụ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2025 về việc "*Tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 123/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đinh Thị Châu A, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp).

- *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1988.

2. Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp).

Bà Đinh Thị Châu A vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt; ông Nguyễn Minh C, bà Nguyễn Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Đinh Thị Châu A trình bày:

Tháng 02/2022, vợ chồng ông Nguyễn Minh C và bà Nguyễn Ngọc H vay

của bà Châu A số tiền gốc 560.000.000 đồng (Năm trăm sáu mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Để làm tin thì ông C, bà H ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho bà Châu A, được Văn phòng C1 chứng thực ngày 16/02/2022, đối với thửa đất số 28, tờ bản đồ số 32, diện tích 234,2m^2 và thửa đất số 119, tờ bản đồ số 32, diện tích 379,4m^2, đều là đất ở tại nông thôn, đất tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Từ tháng 02/2022 đến đầu năm 2024, bà Châu A không làm thủ tục sang tên thửa đất số 28, thửa đất số 119, do ông C, bà H vẫn trả tiền vay cho bà Châu A theo thỏa thuận.

Ngày 15/01/2024, vợ chồng ông Nguyễn Minh C và bà Nguyễn Ngọc H thỏa thuận vay của bà Châu A số tiền gốc là 660.000.000 (Sáu trăm sáu mươi triệu đồng), lãi suất 3%/tháng, trả lãi hàng tháng vào ngày 15 tây, thời gian vay là 10 tháng, khi đến hạn sẽ trả đủ tiền vay gốc và lãi, nếu vay mới thì sẽ thỏa thuận lại, đến ngày 15/3/2024 sẽ trả đủ hết tiền lãi. Ông C, bà H cam kết, nếu quá thời hạn 30 ngày mà không đóng lãi thì bà Châu A được quyền chuyển nhượng 02 thửa đất số 28 và số 119 nêu trên (sang tên cho bà Châu A). Ông C, bà H có viết biên nhận và ký tên vào biên nhận cho bà Châu A.

Tuy nhiên, sau khi viết biên nhận thì ông C và bà H không trả cho bà Châu A khoản tiền gốc và lãi nào. Bà Châu A đã nhiều lần liên hệ yêu cầu trả tiền, nhưng ông C, bà H vẫn không trả. Hai người đi làm thuê ở địa phương khác nhưng vẫn có về nhà tại ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, bà Châu A đã tiến hành sang tên thửa đất số 28 và số 119 và được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 02/7/2024.

Bà Châu A thống nhất hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, được Văn phòng C1 chứng thực ngày 16/02/2022, đối với thửa đất số 28 và 119, là hợp đồng giả tạo, nên bị vô hiệu theo quy định pháp luật. Từ trước đến nay bà Châu A chưa nhận và cũng không có quản lý quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 28 và 119. Nhưng bà Châu A không khởi kiện yêu cầu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu và hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong vụ án này; do ông C, bà H trốn tránh, không đến Tòa án giải quyết để làm rõ nội dung hợp đồng vô hiệu và hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Khi nào ông C, bà H có khởi kiện yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Trong vụ án này, bà Châu A chỉ yêu cầu về tiền vay gốc 660.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật theo biên nhận ngày 15/01/2024. Bà Châu A cam kết khi Tòa án giải quyết xong vụ án này thì bà Châu A không yêu cầu ông C và bà H đối với số tiền vay gốc 660.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật theo biên nhận ngày 15/01/2024 trong bất kỳ vụ án nào khác.

Bà Châu A yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Minh C và bà Nguyễn Ngọc H chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Châu A số tiền vay gốc là 660.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi với lãi suất 1,66%/tháng đối với số

tiền 660.000.000 đồng, tính từ ngày 15/01/2024 đến ngày 30/9/2025 (tính tròn tháng) là 20 tháng, cụ thể: 20 tháng x 660.000.000 đồng x 1,66%/tháng = 219.120.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 879.120.000 đồng (T trăm bảy mươi chín triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng).

- *Bị đơn ông Nguyễn Minh C, bà Nguyễn Ngọc H:* Bị đơn ông C, bà H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Minh C, bà Nguyễn Ngọc H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hòa hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông C, bà H vắng mặt không có lý do, không cung cấp văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Châu A, cũng không tham dự phiên họp – hòa giải và phiên tòa 02 lần nên Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của ông C, bà H đối với yêu cầu khởi kiện của bà Châu A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Châu A: Buộc ông C, bà H chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Châu A số tiền vay gốc và lãi tổng cộng là 879.120.000 đồng (T trăm bảy mươi chín triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Châu A và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là *"Tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản"*, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Nguyễn Minh C, bà Nguyễn Ngọc H cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp), nên nguyên đơn khởi kiện vụ án tại Tòa án nơi bị đơn cư trú là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 (nay là khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025) và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Nguyên đơn bà Đinh Thị Châu A được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Minh C, bà Nguyễn Ngọc H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có cung cấp ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do; do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Châu A, ông C, bà H theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

[1.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn bà Đinh Thị Châu A xác định bà Châu A chỉ yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Minh C, bà Nguyễn Ngọc H chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Châu A số tiền vay gốc là 660.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi triệu đồng), tiền lãi là 219.120.000 đồng (Hai trăm mười chín triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng), tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 879.120.000 đồng (T trăm bảy mươi chín triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng).

Ông C, bà H không cung cấp cho Tòa án ý kiến đối với yêu cầu của bà Châu A.

Căn cứ vào biên nhận ngày 15/01/2024, thể hiện ông C, bà H đã nhận số tiền vay gốc là 660.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi triệu đồng) của bà Châu A. Nội dung biên nhận cho thấy tại thời điểm bà Châu A cho ông C, bà H vay tiền thì các bên đều tự nguyện, có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch về việc cho vay tiền, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng vay tiền ngày 15/01/2024 giữa bà Châu A và ông C, bà H là hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

Tại biên nhận ngày 15/01/2024, các bên thỏa thuận thời hạn vay tiền là 10 tháng, nên việc bà Châu A khởi kiện tại Tòa án vào tháng 8/2025 đến nay đã quá thời hạn trả nợ, nhưng ông C, bà H không trả tiền và cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã trả hết nợ cho bà Châu A, nên ông C, bà H đã vi phạm hợp đồng vay tài sản đối với bà Châu A, nên phải chịu trách nhiệm trả tiền cho bà Châu A theo quy định.

Tại biên nhận ngày 15/01/2024, các bên thỏa thuận tiền lãi là 3%/tháng. Mức lãi suất này là cao hơn quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên phải điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật với mức tối đa là 20%/năm, tương ứng 1,66%/tháng. Nguyên đơn tự nguyện khởi kiện yêu cầu tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp, nên được chấp nhận. Căn cứ số tiền gốc còn thiếu, mức lãi suất và thời hạn tính lãi thì việc bà Châu A yêu cầu số tiền lãi là 219.120.000 đồng (Hai trăm mười chín triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng), là phù hợp quy định tại Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nên được chấp nhận.

Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản như sau: "*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*".

Từ các nhận định nêu trên và căn cứ vào quy định tại Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Châu A, buộc ông ông Nguyễn Minh C và bà Nguyễn Ngọc H chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Châu A số tiền vay gốc số tiền vay gốc là 660.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi là 219.120.000 đồng (Hai trăm mười chín triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng), tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 879.120.000 đồng (T trăm bảy mươi chín triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng), là phù hợp.

Bà Châu A cam đoan chữ ký và chữ viết họ tên người nhận tiền biên nhận ngày 15/01/2024 là của ông Nguyễn Minh C, bà Nguyễn Ngọc H, đồng thời cam đoan ông Nguyễn Minh C, bà Nguyễn Ngọc H là người vay tiền với ông Nguyễn Minh C, bà Nguyễn Ngọc H là bị đơn là cùng một người, nếu sau này phát sinh tranh chấp việc ông C, bà H đã trả xong tiền nợ cho bà Châu A, thì bà Châu A chịu trách nhiệm.

Ông Nguyễn Minh C, bà Nguyễn Ngọc H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng ông C, bà H không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Châu A, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C, bà H, nên Hội đồng xét xử không xem xét ý kiến hay yêu cầu của ông C, bà H.

Đối với việc bà Châu A và ông C, bà H ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hiện nay bà Châu A đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 28, tờ bản đồ số 32, diện tích 234,2m^2 và thửa đất số 119, tờ bản đồ số 32, diện tích 379,4m^2, đều là đất ở tại nông thôn, đất tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp: Bà Châu A xác định nếu ông C, bà H khởi kiện hoặc nếu cần thiết sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Do ông C, bà H không đến Tòa án để làm rõ nội dung về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, việc sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giao nhận nhà, đất, nên chỉ có bà Châu A trình bày là chưa đủ cơ sở làm rõ nội dung, giải quyết vụ án. Hiện nay bà Châu A và ông C, bà H đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác đối với đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất khi cần thiết.

[3] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Nguyên đơn bà Đinh Thị Châu A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

bà Châu A thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm và đã có đơn xin miễn án phí.

Bị đơn ông Nguyễn Minh C, bà Nguyễn Ngọc H phải có trách nhiệm liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 38.373.000 đồng (Ba mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 288, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 (nay là khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025), điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 , điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Châu A.

Buộc ông Nguyễn Minh C, bà Nguyễn Ngọc H chịu trách nhiệm liên đới trả lại cho bà Đinh Thị Châu A số tiền vay gốc là 660.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi triệu đồng), tiền lãi là 219.120.000 đồng (Hai trăm mười chín triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng), tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 879.120.000 đồng (T trăm bảy mươi chín triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Minh C, bà Nguyễn Ngọc H phải có trách nhiệm liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 38.373.000 đồng (Ba mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Nguyên đơn bà Đinh Thị Châu A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 11 - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Thùy Trang